

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TN
HỘI ĐỒNG THI TN LỚP TCLLCT-HC
HỆ TT K44 TẠI TRƯỜNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2022

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA K44 TẠI TRƯỜNG
Khối kiến thức I: Những vấn đề cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng
Hồ Chí Minh; Tình hình nhiệm vụ địa phương

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
1	Dương Thị Thúy An	10/07/1985	01	24	7,0	Bảy	
2	Nguyễn Thị Anh	16/01/1991	02	04	7,0	Bảy	
3	Vũ Thị Kiều Chang	11/05/1992	03	17	7,5	Bảy rưỡi	
4	Hoàng Đình Chuyên	22/03/1992	04	10	7,0	Bảy	
5	Nguyễn Mạnh Cường	16/06/1994	05	15	8,0	Tám	
6	Nguyễn Quốc Duy	01/02/1993	06	21	6,5	Sáu rưỡi	
7	Dương Văn Đại	27/09/1991	24	13	7,0	Bảy	
8	Trần Văn Giang	29/08/1993	25	22	6,5	Sáu rưỡi	
9	Đàm Văn Hải	07/12/1985	07	18	7,0	Bảy	
10	Trần Thị Hằng	23/05/1983	26	28	7,5	Bảy rưỡi	
11	Triệu Huy Hoàng	12/04/1992	08	05	6,5	Sáu rưỡi	
12	Phùng Văn Hùng	19/01/1991	09	19	7,0	Bảy	
13	Nguyễn Minh Hưng	31/08/1989	10	29	7,0	Bảy	
14	Bùi Thị Hương	30/07/1990	27	31	7,5	Bảy rưỡi	
15	Nguyễn Thị Huyền	17/02/1987	28	08	7,0	Bảy	
16	Nguyễn Thị Linh	25/02/1987	11	25	6,5	Sáu rưỡi	
17	Đặng Đình Nguyên	17/07/1983	12	23	6,5	Sáu rưỡi	
18	Nguyễn Thị Nhung	10/10/1984	13	20	7,0	Bảy	



STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
19	Trịnh Đức Tâm	15/05/1991	14	07	6,5	Sáu rưỡi	
20	Nguyễn Ngọc Tâm	17/08/1992	15	11	7,0	Bảy	
21	Nguyễn Thị Tâm	04/01/1994	30	16	7,0	Bảy	
22	Trương Đức Tâm	23/11/1990	16	26	7,5	Bảy rưỡi	
23	Hứa Văn Thắng	26/08/1975	17	27	7,0	Bảy	
24	Nguyễn Văn Thành	01/11/1989	18	12	7,0	Bảy	
25	Lê Thị Thảo	22/07/1988	19	03	7,0	Bảy	
26	Nguyễn Văn Thuật	04/12/1993	21	06	7,0	Bảy	
27	Triệu Xuân Trường	15/05/1992	31	14	7,0	Bảy	
28	Triệu Anh Tuấn	26/02/1987	32	30	7,0	Bảy	
29	Nguyễn Văn Vượng	18/07/1984	22	02	6,5	Sáu rưỡi	
30	Ma Thị Yến	11/12/1986	23	01	7,0	Bảy	
31	Nguyễn Văn Quế	30/01/1989	33	09	7,0	Bảy	

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Hồng Mây

HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thu Huyền